

**HẠNH CHẾ TRONG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN ĐƯƠNG
NHIÊN ĐƯỢC XÓA ÁN TÍCH ĐỐI VỚI CÁ NHÂN THEO QUY ĐỊNH
CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ**

VŨ TIẾN DAT*

Ngày nhận bài: 11/02/2025

Ngày phản biện: 23/02/2025

Ngày đăng bài: 31/03/2025

Tóm tắt:

Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017 (BLHS) đã tạo ra nền tảng pháp lý vững chắc trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết các vấn đề liên quan tới tội phạm, trong đó có việc xác định lý lịch của một chủ thể có bị mang tiền án hay không. Các quy định về “đương nhiên xóa án tích” đối với cá nhân theo quy định của BLHS tuy đã được đưa vào áp dụng trong thực tế nhưng vẫn còn tồn tại các quan điểm đánh giá và sự hướng dẫn pháp luật khác nhau giữa các cơ quan tố tụng, cơ quan áp dụng pháp luật khác, các chuyên gia pháp lý về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với cá nhân. Qua bài viết, tác giả sẽ phân tích, đánh giá thực trạng, thực tiễn thực hiện pháp luật tại Việt Nam và quy định của pháp luật tại một số quốc gia trên thế giới về điều kiện đương nhiên

Abstract:

The 2015 Penal Code, as amended and supplemented in 2017 (BLHS), has established a solid legal foundation for combating crime and addressing criminal-related matters, including the determination of an individual's criminal history. Although the Penal Code contains provisions on the “automatic expungement of criminal records” for individuals, inconsistencies remain in its practical application. These include differing interpretations and guidelines among legal practitioners, judicial bodies, and legal experts regarding the conditions under which criminal records are deemed automatically expunged. This article aims to analyze and evaluate the current legal framework and its implementation in Vietnam, while also examining relevant legal provisions from selected countries around the world. On this basis, the

* Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn – tỉnh Hải Dương; Email: vudat257@gmail.com

được xóa án tích đối với cá nhân trên cơ sở đúc rút kinh nghiệm nhằm đưa ra đề xuất, kiến nghị hoàn thiện và đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Từ khóa:

Án tích, đương nhiên xóa án tích, cá nhân, Bộ luật Hình sự.

Keywords:

Criminal records, automatic expungement of criminal records, individual, Penal Code

1. Đặt vấn đề

Xóa án tích là hoạt động pháp lý nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân/ pháp nhân thương mại đã bị Tòa án kết án. Kết quả của việc xóa án tích là việc xóa bỏ đi án tích của người bị kết án, người bị kết án không còn mang án tích, điều này thể hiện sự cụ thể hóa nguyên tắc nhân đạo của BLHS. Chế định về xóa án tích đã và đang đạt được nhiều hiệu quả với nhiều ý nghĩa to lớn trong hoạt động áp dụng pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tiễn nghiên cứu và tham gia tố tụng đối với các vụ án hình sự, tác giả nhận thấy chế định trên vẫn còn một số hạn chế trong việc bảo đảm quyền lợi của bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự với tư cách là cá nhân. Qua đó, cần thiết phải có một số biện pháp nhằm khắc phục các hạn chế đó để nâng cao hiệu quả và ý nghĩa của việc xóa án tích.

2. Khái lược về xóa án tích

Theo từ điển Luật học, án tích là “đặc điểm nhân thân của người bị kết án và chưa được xóa án được ghi lại trong lý lịch tư pháp”¹. Còn xóa án tích là “xóa bỏ việc mang án tích của người bị kết án”². Như vậy hiểu một cách đơn giản rằng, người được xóa án tích là người không còn mang án tích và mang dấu hiệu của việc kết tội của Tòa án trong lý lịch của họ. Theo ngôn ngữ xã hội, việc một người không mang án tích được đánh giá là người có “lý lịch trong sạch”. Việc xóa án tích mang một số ý nghĩa sau:

Thứ nhất, là sự cụ thể hóa nguyên tắc nhân đạo của Luật Hình sự: Sự nhân đạo của Luật Hình sự không chỉ được áp dụng đối với những chủ thể được coi là tội phạm khi bị Tòa án kết tội và quyết định hình phạt mà còn được áp dụng đối với chủ thể đã chấp hành xong các nghĩa vụ phải chấp hành theo bản án. “Án tích” là một

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội, tr. 15.

² Sdd [2], tr. 135

“gánh nặng mang tính chất pháp lý” luôn gắn với nhân thân của những người bị kết án mà khi được xóa án tích họ được gỡ bỏ đi gánh nặng này. Do đó, việc xóa án tích vừa mang ý nghĩa được nhà nước công nhận một số năng lực pháp lý và vừa mang ý nghĩa khích lệ về mặt tinh thần đối với người bị kết án. Nói việc xóa án tích mang ý nghĩa công nhận một số năng lực pháp lý là bởi, một số quan hệ pháp luật hiện nay đang loại trừ quyền của những người mang án tích.

Thứ hai, là sự công nhận của nhà nước và xã hội đối với nhân thân của người đã bị Tòa án kết án: Nhà nước thông qua pháp luật để ghi nhận về nhân thân của người đã bị Tòa án kết án. Pháp luật được xây dựng nên bởi nhà nước, mang trong đó ý chí của giai cấp cầm quyền. Bản chất của chế độ ta là nhà nước do nhân dân làm chủ nên pháp luật mang trong đó ý chí của nhân dân, mà nhân dân cũng chính là một cộng đồng xã hội rộng lớn. Do đó, có thể khẳng định sự công nhận của nhà nước cũng tương đồng với sự công nhận của xã hội đối với nhân thân của người bị Tòa án kết án.

Thứ ba, là sự động viên, khích lệ đối với người bị Tòa án kết án: Khi một hành vi phạm tội xảy ra, “Nhà nước có sự phản ứng tương thích nhằm bảo đảm cho các quy phạm pháp luật được thực hiện và sự vi phạm pháp luật trong tương lai được ngăn chặn”³. Sự phản ứng của nhà nước là việc áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết nhằm đưa người thực hiện hành vi phạm tội vào một khuôn khổ quản lý, kiểm soát nhất định bằng những hình phạt cụ thể để giáo dục, răn đe đối với họ. Đó chính là việc người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật hình sự của mình gây ra. Sau khi người bị kết án đã “trả án” xong thì nhà nước cũng có trách nhiệm đối trừ đối với họ bằng hình thức xóa án tích để tạo sự khích lệ, động viên, tạo cơ sở pháp lý cần thiết về nhân thân để họ thực hiện những quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và tạo cơ hội cho họ trở thành những chủ thể có ích, đóng góp, cống hiến cho xã hội.

3. Pháp luật một số quốc gia trên thế giới về điều kiện được đương nhiên được xóa án tích đối với cá nhân

Thứ nhất, pháp luật Liên bang Nga: Tại khoản 3 Điều 86 Luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996 quy định “Lý lịch tư pháp được xóa đối với những người sau đây: a) Những người bị kết án có điều kiện - sau khi hết thời hạn thử thách; b) Những người bị kết án phạt nhẹ hơn hình phạt tước tự do - sau khi hết thời hạn một

³ Hồ Sỹ Sơn (2010), *Bàn về khái niệm, bản chất, nội dung và giới hạn của trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 06, tr. 43.

năm sau khi hình phạt được hoàn thành hoặc thực hiện; c) Những người bị kết án tước quyền tự do vì tội nhẹ hoặc tội trung bình - khi hết thời hạn ba năm sau khi chấp hành xong hình phạt...”⁴. Quy định về án tích hay lý lịch tư pháp đang được diễn đạt theo nội dung của điều luật nói trên với điều kiện được xóa án tích cũng tương đồng so với quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn để xác định một người được đương nhiên xóa án tích là căn cứ theo mức hình phạt. Tuy nhiên, điểm khác trong quy định của pháp luật Liên bang Nga là thời điểm tính thời hạn để xác định việc đương nhiên được xóa án tích là “chấp hành xong hình phạt” hoặc “hết thời hạn thử thách”, tức mốc thời gian để tính thời điểm đương nhiên được xóa án tích là từ ngày người bị kết án chấp hành xong hình phạt tù hoặc hết thời hạn thử thách của án treo.

Thứ hai, pháp luật Anh: Theo quy định tại mục 4 khoản 2 Điều 2 của Đạo luật phục hồi cho người phạm tội năm 1974, sửa đổi bổ sung năm 2014 (Rehabilitation of Offenders Act) được áp dụng tại Anh và xứ Wales: “Thời hạn giám sát là thời hạn bắt đầu khi bản án hết hạn và kết thúc khi thời hạn 12 tháng bắt đầu ngay sau khi người phạm tội đã chấp hành xong thời hạn giam giữ theo quy định”⁵. Việc giám sát đối với người phạm tội trong thời gian nhất định nhằm mục đích phục hồi về nhân thân cho người phạm tội. Pháp luật của Anh không áp dụng thuật ngữ pháp lý và định nghĩa vụ thể về xóa án tích nhưng sử dụng thuật ngữ “phục hồi”. Thời hạn giám sát trong quy định của pháp luật Anh tương đồng với thời gian được tính để xóa án tích kể từ ngày chấp hành xong bản án theo quy định của pháp luật Việt Nam nhưng sự khác biệt thể hiện ở thời gian bắt đầu tính thời hạn giám sát tại Anh tính từ khi người phạm tội đã chấp hành xong thời hạn giam giữ.

Thứ ba, pháp luật Nhật Bản: Tại Điều 34-2 Bộ luật Hình sự Nhật Bản quy định “Khi đã mười năm trôi qua kể từ khi một người hoàn thành hình phạt tù không lao động hoặc hình phạt nặng hơn hoặc người đó đã được xóa hình phạt đó mà không bị áp dụng một bản án phạt tiền hoặc hình phạt nặng hơn, thì bản án đó sẽ không còn hiệu lực...”⁶ Theo đó, người bị kết án theo quy định của pháp luật hình sự Nhật Bản sẽ được phục hồi về lý lịch tư pháp trong thời hạn 10 năm kể từ khi người đó chấp hành xong hình phạt tù.

⁴ https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_10699/, truy cập ngày 11/01/2025.

⁵ <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1974/53/2023-12-20?view=plain>, truy cập ngày 09/01/2025.

⁶ <https://laws.e-gov.go.jp/law/140AC0000000045>, truy cập ngày 12/01/2025.

Từ đó, có thể thấy rằng pháp luật của các quốc gia nói trên đều có một điểm chung là việc xác định thời hạn để được phục hồi về lý lịch (xóa án tích) cho người bị kết án được tính kể từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính. Đây là các chế định thể hiện sự nhận thức mang tính nhân văn rất cao của các nhà làm luật. Pháp luật hình sự Việt Nam cũng coi nguyên tắc nhân đạo là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong việc áp dụng pháp luật, do vậy từ kinh nghiệm của các quốc gia nói trên chính là điểm gợi mở quan trọng cho công tác xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự trên thực tiễn tại Việt Nam.

4. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với cá nhân

Điều 70 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung 2017 quy định: “Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây: a)..... Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì thời hạn đương nhiên được xóa án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung”.

Từ quy định của pháp luật hiện hành, có thể thấy rằng điều kiện để được đương nhiên xóa án tích bao gồm 04 yêu cầu: Chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn đã được ấn định rõ theo “lượng hình” được Hội đồng xét xử quyết định. Theo quy định tại Điều 32 BLHS, hình phạt chính được áp dụng đối với cá nhân bao gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Hình phạt bổ sung đối với cá nhân bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm một số công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền, trục xuất (khi không áp dụng làm hình phạt chính). Đối với các quyết định khác của Tòa án phổ biến gồm 02 nội dung về trách nhiệm dân sự (TNDS) và án phí.

Về nội dung án phí, tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) quy định “Án phí do người bị kết án hoặc Nhà nước chịu theo quy định của pháp luật. Người bị kết án phải trả án phí theo quyết định của Tòa án”, trách nhiệm chịu án phí

là trách nhiệm chi trả chi phí nhằm bảo đảm hoạt động tổ tụng của các cơ quan tổ tụng, một số chủ thể có thể được miễn án phí trong các điều kiện đã được pháp luật quy định bao gồm: trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; người khuyết tật; người có công với cách mạng; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.⁷

Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự chính là một trong những biện pháp tư pháp được Tòa án áp dụng. Việc xác định TNDS trong vụ án hình sự theo từng nhóm tội danh với các khách thể xâm phạm khác nhau mà tùy từng trường hợp TNDS được giải quyết theo hai khía cạnh. Khía cạnh đầu tiên là trách nhiệm trả lại tài sản, sửa chữa, công khai xin lỗi hoặc bồi thường thiệt hại trong các vụ án hình sự có bị hại, việc bồi thường thiệt hại được thể hiện ở hai nội dung là bồi thường thiệt hại về vật chất và bồi thường thiệt hại về tinh thần theo quy định tại Điều 48 BLHS và pháp luật về dân sự có liên quan. Về khía cạnh thứ hai, là trách nhiệm trong trường hợp bị tịch thu hay truy thu số tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS.

5. Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với cá nhân

Một thực trạng khá phổ biến hiện nay trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự mà các cơ quan tổ tụng thường xuyên gặp phải đó chính là tình trạng các bị can, bị cáo không thực hiện các nghĩa vụ về TNDS, án phí theo các bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật vì nhiều lý do khác nhau và thậm chí đã trải qua nhiều năm nhưng vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ này. Từ thực trạng trên đã dẫn đến những vướng mắc nhất định cùng với sự xuất hiện các quan điểm nhận định, đường lối chỉ đạo khác nhau trong việc xác định án tích đối với các bị can, bị cáo trong các vụ án. Một số trường hợp điển hình có thể được chỉ ra:

Trường hợp 1, theo văn bản giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao: “BLHS không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp xong hành hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì. Hơn nữa, pháp luật thi hành án dân sự quy định nhiều phương thức thi hành để người phải thi hành án có quyền lựa chọn như: tự nguyện thi hành, thỏa thuận thi hành án hoặc nhờ thân nhân nộp thay. Do vậy, trường hợp người bị kết án (sau này là bị can, bị cáo trong

⁷ Điều 12 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

một vụ án mới) không nhận được thông báo và quyết định thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự nên chưa thi hành hình phạt bổ sung, chưa nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và các quyết định khác của bản án là chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án. Trong trường hợp này, người bị kết án không đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của BLHS”.⁸ Và theo văn bản giải đáp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: “Hiện nay, pháp luật chưa có quy định cụ thể trường hợp đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự có được coi là “đã chấp hành xong” các quyết định khác của bản án hình sự hay không hoặc có được coi là đủ điều kiện để đương nhiên xóa án tích theo Điều 70 BLHS hay không. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 70 BLHS, đương nhiên được xóa án tích không chỉ áp dụng đối với người bị kết án mà còn áp dụng trong trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án. Do đó, trường hợp này đã hết thời hiệu để thi hành nên xử lý theo hướng có lợi cho bị án cần được coi là không có tiền án”⁹.

Trường hợp 2, tình huống thực tiễn: Vụ Bùi Quý H, sinh năm 1969, phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/HS-ST ngày 26/9/2019 của Tòa án nhân dân TP A. Tại bản án xác định H có nhân thân (02 bản án): “Bản án số 02/1998/HSST ngày 13/01/1998, Tòa án nhân dân thành phố A xử phạt A 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 2.300.000đ), ngày 30/11/2000, H chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành bồi thường dân sự 2.300.000 đồng; Bản án số 15/2012/HSST ngày 16/02/2012, Tòa án nhân dân thành phố A xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (phạm tội ngày 19/11/2011, trị giá tài sản 4.290.000 đồng), chưa thi hành bồi thường dân sự số tiền 2.580.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2012, nộp án phí ngày 20/5/2013. Cả hai vụ án bị hại đều không có đơn yêu cầu thi hành án”. Tiền án: “Bản án số 140/2016/HSST ngày 27/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố A xử phạt H 27 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (phạm tội ngày 08/6/2016, thuộc trường hợp tái phạm), chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2018, chưa thi hành án phí”.

Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 05/6/2019, Bùi Quý H có hành vi cất giấu trái phép 0,311g Heroin để sử dụng. Tại bản án hình sự số 150/2019/HSST ngày 26/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố A căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h

⁸ Mục 7 Công văn số 64/2019/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính” (Công văn số 64/2019/TANDTC-PC)

⁹ Câu số 6 mục I phần A Công văn số 4632/VKSTC-V7 ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc “trả lời, giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp qua sơ kết, giao ban công tác 9 tháng đầu năm 2023” (Công văn số 4632/VKSTC-V7)

khoản 1 Điều 52 (tái phạm) của BLHS, xử phạt H 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Quan điểm 1: H đã được xóa án tích đối với Bản án 02/1998/HSST vì H đã chấp hành xong hình phạt tù từ 1999, đến nay chưa thi hành án về bồi thường dân sự nhưng đã hết thời hiệu thi hành án theo Điều 21 Pháp lệnh thi hành án dân sự 1996. Đồng thời, H đã được xóa án tích của Bản án số 15/2012/HSST vì H đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/8/2012, nộp án phí ngày 20/5/2013. Các bị hại không có đơn yêu cầu bồi thường về dân sự và đã hết thời hiệu yêu cầu bồi thường theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008; Quan điểm 2: H chưa được xóa án tích đối với cả 02 bản án trên, theo hướng dẫn tại Công văn 64/2019/TANDTC-PC, H chưa chấp hành xong các quyết định tại các bản án; Quan điểm 3: H đã được xóa án tích đối với Bản án 02/1998/HSST với lập luận như quan điểm 1 và H chưa được xóa án tích đối với Bản án số 15/2012/HSST vì H chưa thi hành trách nhiệm bồi thường dân sự.¹⁰

Trường hợp 3, tình huống thực tiễn: Bị cáo Mai Hoài Đ từng bị kết án 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 05/11/2011 chấp hành xong hình phạt chính, các quyết định khác của bản án về án phí và hình phạt bổ sung chưa chấp hành. Tháng 11/2020 Đ bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp kháng nghị một phần bản án sơ thẩm vì cho rằng bị cáo Đ đã được đương nhiên xóa án tích với lý do Cơ quan Thi hành án dân sự (THADS) chưa thụ lý thi hành án nên không ra quyết định thi hành án.¹¹

Từ ba tình huống thực tiễn nói trên cho thấy, có rất nhiều quan điểm khác nhau trong việc đánh giá một cá nhân được đương nhiên xóa án tích hay chưa, chủ yếu các trường hợp bất cập nói trên bắt nguồn từ việc chưa chấp hành TNDS và án phí theo bản án của Tòa án. Cụ thể hóa trách nhiệm của người có nghĩa vụ phải thi hành án, theo quy định tại Điều 7a Luật thi hành án Dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (Luật THADS) đã nêu rõ các hình thức: tự nguyện thi hành án, tự mình hoặc uỷ quyền cho người khác yêu cầu thi hành án. Từ giải đáp tại Công văn số 64/2019/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao: “Bộ luật Hình sự không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp xong hành hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì” và quy định tại Điều 70

¹⁰ Nguyễn Hải Bằng & Đào Thị Đào (2023), *Vướng mắc khi xác định xóa án tích trong trường hợp đương nhiên*, truy cập tại <https://tapchitoaan.vn/vuong-mac-khi-xac-dinh-xoa-an-tich-trong-truong-hop-duong-nhien9416.html>, truy cập ngày 16/01/2025.

¹¹ Tuyết Mai (2021), *Quên đóng án phí 10 năm có được đương nhiên xóa án tích*, truy cập tại: <https://tuoitre.vn/quen-dong-an-phi-gan-10-nam-co-duong-nhien-duoc-xoa-an-tich-20210403222522599.htm>, truy cập ngày 18/01/2025.

BLHS tác giả nhận thấy rằng việc chỉ dẫn, phân tích, áp dụng và giải thích pháp luật như vậy là chính xác theo đúng ngữ nghĩa của điều luật nhưng thực tiễn thực hiện pháp luật đang mắc phải một số điểm hạn chế nhất định, cụ thể như sau:

Hạn chế thứ nhất, chưa thực hiện một cách triệt để nguyên tắc “nhân đạo”.

Theo từ điển Triết học: “Nhân đạo là tổng hợp những quan điểm thể hiện phẩm giá và quyền con người”¹². Nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự nên được hiểu ở phạm vi rộng mà không nên chỉ bó hẹp trong việc quyết định hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội. Với bản chất là một ngành luật đặc biệt mà khi được áp dụng, người thực hiện hành vi phạm tội phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi nhất định, “Luật Hình sự cần phải tiếp tục nhân đạo hoá bằng cách làm mềm hoá các loại và phạm vi áp dụng các phương tiện đấu tranh với tội phạm”¹³. Đấu tranh với tội phạm bằng việc xây dựng các quy định ngặt nghèo mang tính chất rắn đẽ, thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật đối với người thực hiện hành vi phạm tội không đồng nghĩa với việc quá khắt khe trong việc áp dụng các điều kiện được xóa án tích đối với họ. Khi hoàn thành xong trách nhiệm đối với hình phạt chính của bản án, người bị kết án như rũ bỏ đi được một gánh nặng áp lực về tâm lý trong suốt thời gian chấp hành án nên việc tiếp tục gán các trách nhiệm thi hành các quyết định khác của bản án (mang tính chất dân sự) để xác định việc họ đã được xóa án tích hay chưa là thực sự không thể hiện được tính nhân văn. Nếu như vẫn tiếp tục cứng nhắc trong việc áp dụng pháp luật như vậy sẽ có thể dẫn một số hậu quả mang tính tiêu cực, đặc biệt là “người phạm tội có tâm lý thù oán pháp luật và sẽ không tích cực cải tạo để trở thành công dân có ích cho xã hội”¹⁴. Sự nhận thức về pháp luật, của mỗi chủ thể là khác nhau, chúng ta không thể áp đặt ý chí đồng bộ lên tất cả những người bị kết án rằng họ buộc phải nhận thức được việc có trách nhiệm phải thực hiện các TNDS trong bản án. “Hiệu lực pháp luật không chỉ phụ thuộc vào sức mạnh cưỡng chế của nhà nước, mà còn phụ thuộc vào trình độ hiểu biết và tâm lý pháp luật của xã hội”¹⁵. Thực tiễn nhiều vụ án cho thấy, nhiều bị cáo là người thuộc hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, không có người thân, vô gia cư, bản thân họ không có khả năng để thực hiện TNDS, nghĩa vụ về án phí trong bản án hoặc không có người thân đóng

¹² Viện Triết học – Viện khoa học Liên Xô (1975), *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ, Matxcova, tr. 402.

¹³ Hồ Sỹ Sơn (2006), *Nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự - các quan điểm và cách tiếp cận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 07, tr 74.

¹⁴ Dương Thuyết Miên (2021), *Định tội danh và quyết định hình phạt (Tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr 210.

¹⁵ Trường Đại học Luật Hà Nội (2023), *Triết học – sách chuyên khảo dùng cho hệ đào tạo sau đại học*. Nxb Tư pháp, Hà Nội, tr.451

tiền thay, nộp thay họ phần nghĩa vụ đó.

Kế tiếp là trong trường hợp không chấp hành được quyết định của bản án về TNDS, án phí do không nhận được thông báo hay quyết định của Cơ quan THADS. Đặt vấn đề trong trường hợp này, khi một bị can, bị cáo phải chịu hậu quả xấu về mặt nhân thân khi thực hiện hành vi phạm tội mới, thậm chí phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng định khung do tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm thì có cần xem xét tới yếu tố lỗi của Cơ quan THADS hay không? Bởi lẽ, như đã phân tích ở đoạn trên, việc thực hiện các nghĩa vụ theo bản án của người bị kết án còn phụ thuộc cả vào ý thức pháp luật của họ, trong trường hợp họ không nhận được thông báo, quyết định của Cơ quan THADS thì họ không thể biết được phải làm như thế nào để thực hiện nghĩa vụ của họ. Tuy nhiên, việc giải thích và đặt câu hỏi như trong trường hợp 1 tại Công văn số 64/2019/PC-TANDTC cũng chưa thực sự phù hợp so với quy định của Luật THADS. Bởi lẽ, căn cứ theo quy định tại Điều 39 Luật THADS quy định đối tượng được thông báo về quyết định thi hành án bao gồm đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không có người bị kết án trong vụ án hình sự. Việc không quy định về việc thông báo đối với quyết định thi hành án chủ động của Cơ quan THADS đang có điểm mâu thuẫn đối với quyết định thi hành án hình sự được ban hành bởi Tòa án. Cụ thể, người bị kết án là người đang chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo đều là những chủ thể được nhận quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 22, Điều 84 Luật Thi hành án hình sự 2019. Do đó, trách nhiệm của Cơ quan THADS cũng cần gắn liền với hoạt động trên, quá trình xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phải có những tài liệu thể hiện được sự tác động của Chấp hành viên đối với người bị kết án hoặc người thân của họ về việc thực hiện các nghĩa vụ trong bản án của Tòa án thì mới bảo đảm được tính hiệu quả của việc thực thi pháp luật. Đối chiếu với trường hợp 3 bị cáo Mai Hoài Đ chưa chấp hành án phí và hình phạt bổ sung là do Cơ quan THADS chưa thụ lý thi hành án nên chưa ra quyết định thi hành án đối với bị cáo Đ. Vậy, việc chưa thụ lý thi hành án, không ra quyết định thi hành án chủ động là hoàn toàn do lỗi của các Cơ quan tư pháp có thể được xảy ra trong các trường hợp gồm chính Cơ quan THADS (trong trường hợp bị thất lạc dẫn tới không ra quyết định thi hành án), Tòa án (trong trường hợp không chuyển bản án cho Cơ quan THADS), Viện kiểm sát (với trách nhiệm liên đới, chịu trách nhiệm trong việc kiểm sát hoạt động THADS).

Hạn chế thứ hai, gây ra thực trạng áp dụng pháp luật không đồng nhất.

Đối nghịch với giải đáp tại của công 64/2019/TANDTC-PC như đã nói trên thì Công văn số 4632/VKSTC-V7 đưa ra lập luận khác khi cho rằng “Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 70 BLHS, đương nhiên được xóa án tích không chỉ áp dụng đối với người bị kết án mà còn áp dụng trong trường hợp hết thời hiệu thi hành bản án.” Tức là quan điểm giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao đã đồng nhất cả trường hợp hết thời hiệu thi hành án nhưng người bị kết án chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì. Việc giải đáp có sự khác nhau đã khiến việc áp dụng pháp luật trên thực tế về xóa án tích giữa các cơ quan tiến hành tố tụng các cấp tại các địa phương không đồng nhất, nhiều trường hợp vụ án đơn giản trở nên phức tạp, kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Việc ra quyết định thi hành án chủ động được căn cứ theo quy định tại a khoản 2 Điều 36 Luật THADS đối với các trường hợp “Hình phạt tiền, truy thu tiền, tài sản thu lợi bất chính, án phí”. Việc yêu cầu THADS trong bản án hình sự được áp dụng đối với trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại và thuộc trường hợp ra quyết định thi hành án theo yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật THADS. Việc yêu cầu thi hành án đối với phần bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự là quyền của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, sau khi bản án hình sự có hiệu lực pháp luật thì khoản tiền bồi thường thiệt hại có thể được xác định chính là một dạng quyền tài sản đối với chủ thể có quyền yêu cầu thi hành án. Đối với chủ thể có quyền tài sản, xét trên khía cạnh dân sự, họ có quyền tự định đoạt chính tài sản đó của mình. Theo đó, chủ thể có quyền yêu cầu thi hành phần bồi thường thiệt hại trong bản án hình sự không yêu cầu thi hành án và để quá thời hiệu thi hành án chính là ý chí thể hiện sự tự định đoạt về tài sản của họ. Do đó, không thể đồng bộ việc chịu trách nhiệm khi không thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do bị hại không yêu cầu thi hành án và đã hết thời hiệu thi hành án làm cơ sở để xác định án tích của một người.

Đối chiếu thực tế theo trường hợp 2 đã được nêu ra, qua công tác điều tra đã xác định rõ bị cáo H đối với 02 bản án số 02/1998/HSST và bản án số 15/2012/HSST, bị cáo đều chấp hành xong hình phạt chính và nghĩa vụ chịu án phí của cả hai bản án, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi phạm tội mới vào tháng 6/2019, xác định bị cáo chưa thi hành đối với phần quyết định về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại trong cả hai bản án nói trên. Qua công tác điều tra, cơ quan điều tra

đã tiến hành xác minh và xác định các bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án trong thời hạn yêu cầu thi hành án của Luật THADS qua từng thời kỳ, thể hiện sự tự nguyện của bị hại (là người có quyền tài sản) trong việc định đoạt chính phần tài sản của mình được hưởng khi được thi hành án nên tác giả cùng đồng tình với quan điểm thứ nhất xác định bị cáo H đã được xóa án tích đối với cả 02 Bản án số 02/1998/HSST và số 15/2012/HSST. Trong trường hợp 2 nói trên đã thể hiện sự trái ngược về quan điểm được nêu ra. Đồng thời, thực tế trong hoạt động giải quyết các vụ án của cơ quan tố tụng tại các địa phương cũng đã và đang có sự nhận thức, hướng dẫn, đưa ra đường lối chỉ đạo khác nhau về việc xác định người bị kết án được đương nhiên xóa án tích.

5. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về điều kiện đương nhiên được xóa án tích.

Thứ nhất, cần có sự thay đổi về phương thức tính và thời điểm tính thời hạn để xác định một chủ thể có được đương nhiên xóa án tích: Trong trường hợp này, các điều kiện về chấp hành hình phạt chính, hình phạt bổ sung và các quyết định khác trong bản án của Tòa án cần được chia ra làm 02 phần là phần chính và phần phụ. Phần chính là việc chấp hành xong hình phạt chính của bản án còn phần phụ là hình phạt bổ sung cùng với các quyết định khác của bản án. Theo đó, tác giả đồng tình một phần với các tác giả về quan điểm “*Thời điểm để bắt đầu tính thời hạn đương nhiên được xóa án tích là kể từ khi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án; còn hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án có thể thực hiện bất kỳ lúc nào, nhưng phải trước ngày người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội mới*”¹⁶. Đúc rút kinh nghiệm từ quy định của pháp luật Liên Bang Nga, Anh và Nhật về việc quy định mốc thời gian để làm điều kiện xem xét xóa án tích đối với người bị kết án là khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính. Tác giả cũng đề xuất rằng, thời điểm để tính thời hạn được đương nhiên xóa án tích là từ khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án, riêng đối với hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án có thể thực hiện vào bất kỳ thời gian nào nhưng không nhất thiết phải “trước ngày thực

¹⁶ Lê Văn Công & Nguyễn Thị Thu Hồng (2024), *Quy định về đương nhiên xóa án tích – bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát số 03, tr 16.

hiện hành vi phạm tội mới”. Việc đã cho phép người bị kết án có thể thực hiện các quyết định khác của bản án (TNDS, án phí,...) tại bất kỳ thời điểm nào là đủ, bởi lẽ đây là phần nghĩa vụ gắn liền suốt cuộc đời của họ, thậm chí khi họ đã chết thì các nghĩa vụ này tiếp tục được kế thừa bởi các đồng thừa kế. Do đó, quan điểm đề xuất trên nếu như được ghi nhận cũng cần có sự thống nhất bởi các cơ quan tố tụng trong việc xem xét đưa ra một hướng dẫn chung cụ thể cho toàn bộ hệ thống các cơ quan tố tụng.

Thứ hai, cần có sự sửa đổi quy định của Luật THADS với mục tiêu nâng cao trách nhiệm của Chấp hành viên trong công tác thi hành án: Cần phải mở rộng thêm trách nhiệm của Chấp hành viên trong công tác thi hành án. Cụ thể, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật THADS về mở rộng đối tượng được thông báo thi hành án: “Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, người bị kết án hoặc người thân thích của họ để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó. Đối với trường hợp người bị kết án đang bị tạm giam, cơ sở giam giữ tạo điều kiện để Chấp hành viên thực hiện việc tổng đạt theo quy định của pháp luật” và bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật THADS về nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên: “Kịp thời tổ chức thi hành vụ việc được phân công; ra các quyết định về thi hành án theo thẩm quyền, lập hồ sơ theo dõi và rà soát việc giao nhận các văn bản của cơ quan thi hành án dân sự”.

6. Kết luận

Trong thời gian vừa qua, chúng ta đã và đang làm rất tốt các nhiệm vụ cải cách tư pháp được Đảng và Nhà nước đặt ra. Như lời của Tổng bí thư Tô Lâm nói “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, chống bảo thủ, cục bộ”¹⁷, với mục tiêu nâng cao chất lượng trong hoạt động tư pháp, việc rà soát và điều chỉnh các điều khoản chưa phù hợp trong các quy định của pháp luật hình sự hiện hành nói chung và điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với cá nhân nói riêng là điều cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả cao nhất trong công tác thực hiện và áp dụng pháp luật. Bên cạnh đó, đặt ra vai trò của cơ quan THADS “chính là một dạng hoạt động tư pháp vì

¹⁷ Thùy Dương (2024), *Cải cách tư pháp cần chống bảo thủ, cục bộ*, truy cập tại: <https://hanoionline.vn/video/cai-cach-tu-phap-can-chong-bao-thu-cuc-bo-255336.htm>, truy cập ngày 26/01/2025

THADS gắn liền với hoạt động xét xử, mang tính tài sản, độc lập và do cơ quan tư pháp có thẩm quyền tổ chức thực hiện”¹⁸ thì việc điều chỉnh và nâng cao trách nhiệm của Chấp hành viên trong công tác THADS đối với các bản án hình sự của Tòa án cũng là thực sự quan trọng và cần thiết.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.
2. Bộ luật Tổ tụng hình sự 2015;
3. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga;
4. Bộ luật Hình sự Nhật Bản.
5. Đạo luật phục hồi cho người phạm tội Anh.
6. Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;
7. Luật Thi hành án hình sự 2019;
8. Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
9. Công văn số 64/2019/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc “Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tổ tụng hành chính”.
10. Công văn số 4632/VKSTC-V7 ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc trả giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, Viện kiểm sát các cấp qua sơ kết, giao ban công tác 9 tháng đầu năm 2023.
11. Dương Thuyết Miên (2021), *Định tội danh và quyết định hình phạt (Tái bản lần thứ hai, có sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
12. Hồ Sỹ Sơn (2006), *Nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự - các quan điểm và cách tiếp cận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 07.
14. Hồ Sỹ Sơn (2010), *Bàn về khái niệm, bản chất, nội dung và giới hạn của trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 06;
13. Lê Văn Công & Nguyễn Thị Thu Hồng (2024), *Quy định về đương nhiên xóa án tích – bất cập và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Kiểm sát số 03.
14. Nguyễn Hải Bằng & Đào Thị Đào (2023), *Vướng mắc khi xác định xóa án tích trong trường hợp đương nhiên*” truy cập tại : <https://tapchitoaan.vn/vuong->

¹⁸ Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, tr 80.

mac-khi-xac-dinh-xoa-an-tich-trong-truong-hop-duong-nhien9416.html, truy cập ngày 16/01/2025.

15. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Thi hành án dân sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

16. Trường Đại học luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội;

17. Trường Đại học Luật Hà Nội (2023), *Triết học – sách chuyên khảo dùng cho hệ đào tạo sau đại học*”. Nxb Tư pháp, Hà Nội.

18. Tuyết Mai (2021), *Quên đóng án phí 10 năm có được đương nhiên xóa án tích*, truy cập tại: [https://tuoitre.vn/quen-dong-an-phi-gan-10-nam-co-duong-nhien-duoc-xoa-an-tich-20210403222522599.htm](https://tuoitre.vn/quen-dong-an-phi-gan-10-nam-co-duong-nhien-xoa-an-tich-20210403222522599.htm), truy cập ngày 18/01/2025.

19. Thùy Dương (2024), *Cải cách tư pháp cần chống bảo thủ, cục bộ*, truy cập tại: <https://hanoionline.vn/video/cai-cach-tu-phap-can-chong-bao-thu-cuc-bo-255336.htm>, truy cập ngày 26/01/2025.

20. Viện Triết học – Viện khoa học Liên Xô (1975), *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ, Matxcova;